

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 101/2024/DS-PT

Ngày 08-3-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Hà Nam

Ông Mai Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023.

Do bản án dân sự số 17/2023/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 137/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/QĐ-PT ngày 26-01-2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm M, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà N:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm Đ, xã H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà N1:* Anh Phạm Tiến D, sinh năm 1984; nơi ở: Căn hộ 2802 toà Housinco Premium số 288 N, thành phố H.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N1:* Luật sư Hà Đức B thuộc Văn phòng Luật sư IQS, Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh Hoàng Mạnh H, sinh 1982; địa chỉ: Xóm M, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. (Con đẻ của bà N; ông T1)

Chị Hoàng Thị T, sinh 1985; địa chỉ: Xóm C, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. (Con đẻ của bà N; ông T1)

- *Người kháng cáo*: Bị đơn, bà Hoàng Thị N1.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N; Chị Trần Thị Thu H; bà Hoàng Thị N1, anh Phạm Tiến D có mặt. Anh Hà, chị T vắng mặt và có đơn từ chối tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà N trình bày, Thời điểm năm 2012 vợ chồng bà N1 có vay vợ chồng bà số tiền 250.000.000 đồng, ngoài ra còn nhiều anh chị em khác trong gia đình của bà N1 có vay tiền vợ chồng bà. Sau khi vay tiền, bà N1 xin khất nợ đến 2015 trả nên hai bên không làm thủ tục xác nhận nợ. Tuy nhiên đến 2015 bà N1 không trả được nợ như đã thỏa thuận trước đó, gia đình nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà N1 vẫn chưa thanh toán mà tiếp tục khất nợ đến năm 2020. Do vậy, tôi mới yêu cầu bà N1 viết giấy nợ. Bà N1 ngồi đọc tên tuổi, địa chỉ cho con trai tôi viết giấy nợ. Nội dung giấy vay tiền là bà Hoàng Thị N1 có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền là 250.000.000 đồng. Mục đích vay để làm ăn và hai bên không thỏa thuận lãi và thời hạn thanh toán là 05 năm kể từ ngày vay. Thời điểm vay, bà N1 là người nhận tiền do vậy bà N1 mới trực tiếp ký vào thỏa thuận vay tiền. Việc vay tiền thì chồng bà N1 là ông Lê Văn H2 cũng biết và đồng ý vay theo thỏa thuận trên. Tuy nhiên đến nay, đã quá 2 năm theo thỏa thuận mà vợ chồng bà N1 vẫn không trả tiền cho bà N. Bà N đã nhiều lần liên hệ để đòi tiền nhưng vợ chồng bà N1 tỏ ý không muốn trả vì vậy bà N đề nghị Tòa án xem xét buộc bà N1 trả đủ số tiền đã vay 250.000.000 đồng.

2. Tại đơn tường trình ngày 19-3-2023 và trong quá trình tố tụng bị đơn bà Hoàng Thị N1 trình bày: Vào năm 2009 bà có bán cây cảnh cho anh Hoàng Văn T1 (chồng chị N) với giá 250.000.000 đồng với thỏa thuận anh lấy cây chuyển lên nhà nghỉ của anh trên Đồng Đăng, Lạng Sơn khi nào T1 xếp được tiền thì anh sẽ trả và bà đã đồng ý. Vào năm 2012, ông T1 gọi bà lên nhà trên Võ Nhai, Thái Nguyên và thanh toán đầy đủ số tiền mua cây như đã thỏa thuận khi thanh toán chỉ có bà và ông T1. Sau một thời gian ông T1 bị bắt và ở trong tù. Khoảng năm 2013, bà N gọi điện cho bà mong muốn vay lại số tiền mà ông T1 đã trả mua cây trước đây để chạy án cho ông T1 nhưng bà không đồng ý. Đến ngày 09-6-2015 âm lịch, khi bà lên ăn giỗ bố thì bà N cho con trai xuống gọi bà lên nhà chơi bà đồng ý và bế cháu gái hơn 3 tuổi lên cùng. Khi bà vừa vào đến nhà thì bà N liền khóa trái cửa và bắt bà ký vào giấy vay tiền. Bà không đồng ý vì thực tế bà không vay tiền của ông T1. Bà N liền mang dao ra dọa hai bà cháu và nói nếu không ký sẽ không ra khỏi cái nhà này. Vì sự an toàn của bản thân và

cháu ngoại nên bà đành phải ký để thoát thân bởi cháu bà đã khóc thét lên vì sợ hãi khi đó chỉ có bà, bà N và cháu bé. Do thiếu hiểu biết về pháp luật và nghĩ tình cảm anh chị em trong gia đình nên bà chỉ kể với một số người thân quen mà không đi trình báo công an. Bà định đợi sau khi ông T1 mãn hạn tù thì cùng nói chuyện cho rõ ràng tuy nhiên ông T1 đã bị xử phạt hình phạt tử hình. Khi biết việc này bà đề nghị với bà N cho được đến gặp ông T1 nhưng bà N không đồng ý. Đến năm 2021, bà N có đăng tải hình ảnh của bà và các cháu nhỏ cùng giấy vay tiền lên mạng xã hội nhằm mục đích bêu rếu. Bà nhìn trong giấy thấy có người làm chứng là ông Phạm Văn Đ điều này không đúng sự thật bởi ông Đ cũng phủ nhận điều này. Việc bà N ép bà ký vào văn bản không có ai làm chứng. Bà có nói lại với bà Hoàng Thị K, bà Hoàng Thị H và Hoàng Thị H1 là những người dân sinh sống gần bà N về sự việc trên. Ngoài ra, bà không còn chứng cứ nào khác liên quan đến việc bà bị bà N ép ký. Nay bà N đề nghị bà trả số tiền 250.000.000 đồng bà không đồng ý vì lý do bà không vay tiền của bà N, ông T1.

Tại bản án số bản án sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định đã quyết định:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc bà Hoàng Thị N1 phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền gồm là 250.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26-7-2023, bà Hoàng Thị N1 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự vẫn không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị N1 và giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm. Bà N trình bày, thời điểm năm 2012 vợ chồng bà N1 có vay vợ chồng bà số tiền 250.000.000 đồng, ngoài ra còn nhiều anh chị em khác trong gia đình của bà N1 có vay tiền vợ chồng bà. Sau khi vay tiền, bà N1 xin khất nợ đến 2015 trả nên hai bên không làm thủ tục xác nhận nợ. Tuy nhiên đến 2015 bà N1 không trả được nợ như đã thỏa thuận trước đó, gia đình nhiều lần yêu cầu trả

nợ nhưng bà N1 vẫn chưa thanh toán mà tiếp tục khất nợ đến năm 2020. Do vậy, tôi mới yêu cầu bà N1 viết giấy nợ. Bà N1 ngồi đọc tên tuổi, địa chỉ cho con trai tôi viết giấy nợ. Nội dung giấy vay tiền là bà Hoàng Thị N1 có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền là 250.000.000 đồng. Mục đích vay để làm ăn và hai bên không thỏa thuận lãi và thời hạn thanh toán là 05 năm kể từ ngày vay.

Bà Hoàng Thị N1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N1 Luật sư Hà Đức B thống nhất trình bày: Đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 14-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 310 BLTTDS 2015. Bởi lẽ:

- Theo giấy vay tiền ngày 9-6-2015 thì bên cho vay tiền là bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn T1. Ông T1 chết năm 2017 nhưng không để lại di chúc hoặc văn bản nào thể hiện để lại toàn bộ số tiền cho vay 250.000.000 đồng cho bà N. Do vậy khoản tiền của ông T1 sẽ thuộc về hàng thừa kế thứ nhất của ông T1 là bà N cùng các con. Nhưng cấp sơ thẩm không đưa anh H, chị T là con ông T1 vào tham gia tố tụng là bỏ sót người tham gia tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của họ. Ngoài giấy vay tiền này thì không có bất cứ tài liệu nào thể hiện việc bà N chuyển tiền cho bà N1.

- Việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ theo quy định của BLTTDS. Lời khai của các đương sự mâu thuẫn nhau về mặt thời gian vay tiền nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không cho các đương sự đối chất để xác định tính khách quan của vụ án. Ngoài ra đối với chữ ký của ông Phạm Văn Đ tại mục người làm chứng trong giấy vay tiền thì lời khai của ông Đ thể hiện ông Đ không ký vào giấy vay tiền ngày 09-6-2015 tại mục người làm chứng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không cho giám định chữ ký, chữ viết của ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu thu thập lưu hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ vào các tài liệu thu thập lưu hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị N1. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc bà Hoàng Thị N1 phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền gồm là 250.000.000 đồng. Về án phí đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của đương sự:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị N1 làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 BLTTDS nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án về hợp đồng, bị đơn có địa chỉ tại xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định và trong hợp đồng không thỏa thuận về Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Nam Trực thụ lý và giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về người tham gia tố tụng: Theo giấy vay tiền ngày 9-6-2015 thì bên cho vay tiền là bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn T1. Ông T1 chết năm 2017 mà không để lại di chúc hoặc văn bản nào thể hiện để lại số tiền cho bà N vay là 250.000.000 đồng. Do vậy khoản tiền của ông T1 trong số tiền đã cho vay trên sẽ Thuộc về hàng thừa kế thứ nhất của ông T1 là bà N cùng các con. Nhưng cấp sơ thẩm không đưa anh H, chị T là con ông T1 vào tham gia tố tụng là bỏ sót người tham gia tố tụng. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm, bà N nộp cho Tòa án tài liệu xác nhận về việc từ chối nhận tài sản của anh H2, chị T. Xét việc từ chối nhận tài sản thừa kế của anh H2, chị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không làm ảnh hưởng đến bản chất khi giải quyết vụ án. Do vậy không có căn cứ để hủy án vì thiếu người tham gia tố tụng là bỏ sót người tham gia tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của họ.

- Việc ủy quyền tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về việc áp dụng pháp luật: Về giao dịch dân sự giữa bà N và bà N1 được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, giao dịch này đang được thực hiện và có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 để áp dụng các quy định của Bộ luật này để giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị N1:

[4.1] Về nội dung của hợp đồng vay tài sản và yêu cầu kháng cáo: Bà Hoàng Thị N1 cho rằng bà không vay tiền của bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn T1. Việc bà ký vào “Giấy vay tiền” ngày 09-6-2015 là bị bà N đe dọa và ép ký. Tuy nhiên, Tại văn bản “Giấy vay tiền” (bút lục số 59) thể hiện tiêu đề của tờ giấy ghi rõ là “Giấy vay tiền” ngày tháng năm biên nhận ghi rõ là “ngày 09-6-2015” và mục III ghi số tiền vay là 250.000.000 đồng và không lãi suất; thời hạn vay là 5 năm kể từ ngày 09-6-2015. Dưới mục bên vay là chữ ký và chữ viết họ

tên của bà N1. Bà N1 xác nhận có ký vào giấy vay tiền trong trạng bị ai ép buộc nhưng bà N1 không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh việc bà N ép bà ký ngoài việc bà K, bà H, bà H là những người được bà N1 kể lại mà không trực tiếp chứng kiến. Anh Phạm Văn Đ thì không nhớ bất kỳ thông tin gì về việc vay tiền giữa bà N và bà N1. Vì vậy, không có căn cứ để khẳng định bà Nguyễn Thị N ép bà Hoàng Thị N1 ký vào “Giấy vay tiền” ngày 09-6-2015. Như vậy nội dung và hình thức của “Giấy vay tiền” ngày 09-6-2015 là phù hợp với quy định tại Điều 117; Điều 119; Điều 463; Điều 470 BLDS năm 2015 thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Hợp đồng đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi người có đủ năng lực, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản này là hợp pháp và là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự.

[4.2] Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản: Trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên, bà N đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, thể hiện đã giao cho bà N1 với số tiền vay là 250.000.000 đồng. Bà N1 đã nhận đủ số tiền thể hiện tại mục III ghi số tiền vay là 250.000.000 đồng và không lãi suất; thời hạn vay là 5 năm “kể từ ngày 09-6-2015”. Sau khi nhận tiền, đến hạn, bà N1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Đến thời điểm hiện nay, bà N1 chưa trả được số tiền nào cho bà N. Mặc dù, bà N đã đôn đốc nhiều lần nhưng bà N1 vẫn chưa thanh toán cho bà N.

[4.3] Từ những nhận định trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Vì vậy, buộc bà N1 phải trả cho bà N số tiền vay là 250.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo cũng không nộp được tài liệu nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, kháng cáo của bà Hoàng Thị N1 không có căn cứ nên không được chấp nhận. Bà N1 có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng. Do bà N không yêu cầu xem xét về lãi suất nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4.4] Đối với yêu cầu giám định chữ ký của ông Phạm Văn Đ tại mục người làm chứng trong giấy vay tiền vì theo lời khai của ông Đ thể hiện thì ông Đ không ký vào giấy vay tiền ngày 09-6-2015 tại mục người làm chứng nhưng xét thấy không làm thay đổi bản chất vụ án.

[4.5] Xét trình bày của bà N1 về việc ông T1 có việc mua cây cảnh và khoản tiền này được ông T1 trả từ việc mua bán cây cảnh của nhau. Tuy nhiên bà N1 cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh cho yêu cầu này, vấn đề này cũng không liên quan đến việc giải quyết trong vụ án nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án. Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị N1. Giữ nguyên bản dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị N1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng bà N1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai số 0000571 ngày 07-8-2023, bà N1 đã nộp đủ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đức Cảnh
(Đã ký)